

Bản án số: 996/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Ngọc Diễm Lan

2. Bà Nguyễn Thị Kính

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 224/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim N1, sinh năm: 1997; Địa chỉ: 728/7 đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng G – Luật sư của Văn phòng Luật sư Châu Phúc thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Ngôn N2, sinh năm: 1995; Địa chỉ: 728/7 đường P, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 74 đường N, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 04 tháng 4 năm 2022 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Kim N1 trình bày: Bà và ông Võ Ngôn N2 chung sống vợ chồng từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 127/2017, đăng ký ngày 23/6/2017. Trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể hoà hợp. Do ông N2 không vun vén gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn. Bà N1 đã khuyên ngăn ông N2 nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi mà còn đánh đập, chửi mắng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà N1 và ông Võ Ngôn N2 đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Bản thân bà N1 không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa; Đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho bà N1 được ly hôn ông Võ Ngôn N2. Về con chung: có 01 con chung tên là Võ Trần Thiên P, sinh ngày: 25/11/2017; Ngoài ra không có con chung nào khác. Bà N1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Võ Ngôn N2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 6 năm 2022 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Võ Ngôn N2 trình bày: Ông N2 xác nhận lời trình bày trên của bà Trần Thị Kim N1 về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019, đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bản thân ông N2 không muốn ly hôn vì con còn nhỏ, hơn nữa ông N2 vẫn còn thương vợ con. Đề nghị Tòa án cho ông N2 hòa giải và được đoàn tụ gia đình. Về con chung: có 01 con chung tên là Võ Trần Thiên P, sinh ngày: 25/11/2017; Ngoài ra không có con chung nào khác. Do ông N2 là tài xế chạy xe đường dài tuyến Bắc – Nam nên không có nhiều thời gian chăm sóc con; Nên ông N2 đồng ý giao cho bà Trần Thị Kim N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng G trình bày: Trong thời gian chung sống ông N2 không vun vén gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn. Bà N1 khuyên ngăn ông N2 nhưng lại bị ông N2 đánh đập, chửi mắng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà N1 và ông N2 đã sống ly thân hơn 02 năm nay nên tình cảm bà N1 dành cho ông N2 không còn dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N1 được ly hôn với ông N2. Về con chung: Bà N1 và ông N2 có 01 con chung tên là Võ Trần Thiên P, sinh ngày: 25/11/2017. Từ khi sinh ra cho đến nay bé P đã sống cùng với bà N1; bà N1 có thời gian, công việc và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con chung. Mặt khác ông N2 thường xuyên vắng nhà, công việc và thu nhập không ổn định. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N1 được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N2 cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Đương sự chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 127/2017, đăng ký ngày 23/6/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy khai sinh mang tên là Võ Trần Thiên Phát. Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Trần Thị Kim N1 thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, do bị đơn cư trú tại Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn ông Võ Ngôn N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Trần Thị Kim N1 và ông Võ Ngôn N2 chung sống vợ chồng từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 127/2017, đăng ký ngày 23/6/2017. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét yêu cầu của bà Trần Thị Kim N1 xin ly hôn với ông Võ Ngôn N2. Do trong thời gian chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn khó có thể hoà hợp. Nên bà Trần Thị Kim N1 và ông Võ Ngôn N2 đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn bà N1 yêu cầu được ly hôn với ông Võ Ngôn N2. Ông N2 thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2019 và đã sống ly thân. Nay bà N1 yêu cầu ly hôn thì ông N2 xin hòa giải và được đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập ông Võ Ngôn N2 đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông N2 và bà N1 nhưng ông N2 không đến. Chứng tỏ ông N2 thiếu thiện chí để hoà giải những mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim N1; Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó đại

diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị Kim N1 và ông Võ Ngôn N2 có 01 con chung tên là Võ Trần Thiên P, sinh ngày: 25/11/2017; Ngoài ra không có con chung nào khác. Hiện nay bà Trần Thị Kim N1 đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Võ Trần Thiên P. Mặc khác, ông N2 khai do ông N2 là tài xế chạy xe đường dài tuyến Bắc –Nam nên không có nhiều thời gian chăm sóc con nên đồng ý giao cho bà Trần Thị Kim N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, xin tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung của bà Trần Thị Kim N1 là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Quyết định giao con chung tên là Võ Trần Thiên P cho bà Trần Thị Kim N1 trực tiếp nuôi dưỡng; Theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con bà Trần Thị Kim N1 không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Xét về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Thị Kim N1 và ông Võ Ngôn N2 khai không có; Nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim N1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Kim N1 xin ly hôn ông Võ Ngôn N2.

2. Về con chung: có 01 con chung tên là Võ Trần Thiên P, sinh ngày: 25/11/2017; Ngoài ra không có con chung nào khác.

Giao cho bà Trần Thị Kim N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Võ Trần Thiên P. Về cấp dưỡng nuôi con bà Trần Thị Kim N1 không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung của cha mẹ.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Kim N1 và ông Võ Ngôn N2 khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thị Kim N1 phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0016795 ngày 15/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Trần Thị Kim N1 đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P4, Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn